





SỮA NESTLÉ MIẾU CON CHIM SỨC KHỎE CỦA TRẺ CON NHIỀU CHẤT BỔ

Bao thâu cho Chính-phủ Pháp Độc quyền bán cho các nhà thương, các nhà hộ sinh các nhà thương binh và các trường học (Lycées) ở khắp Đông-Dương

THUỐC TRỊ BA CHỨNG ĐAU BỤNG KHÁC NHAU: ĐẠ - DẠY, PHÒNG - TỊCH, KINH - NIÊN

HỘI CHỢ FAIFOO (Thập theo trang 1) có nhiều người làm trung gian rất có hại cho sự tiêu thụ...

THUỐC OKASA NGƯỜI GIÀ HOÁ TRẺ

SỮA « LE GOSSE » rất bổ cho tất cả mọi người: có nhiều chất kem (Crème) rất tinh khiết.

THUỐC Nóng và Ban CHÍ-LINH hiệu NHANH-MAI

Viên-Đông Tôn-Tịch-Hội... DANH SÁCH CÁC NGƯỜI TRƯNG SỐ

20 điều thuốc CIGARETTES «COFAT»



Quý vị nào hút thuốc «COFAT» chẳng nên quên rằng hãng BOY-LANDRY đời mười một bao không thuốc «COFAT» một gói nguyên hai chục điếu «COFAT».

NGƯỜI ANH HO GIÀU Tác giả: COLLETTE YVER GIANG-MA Địch TRUYẾT

hắn cái lòng luôn ái Thiệu lan của em... Em thấy không, nếu chúng ta mà không nghĩ đến cùng thì chúng ta có thể làm được.



**Chuyện thú trong làng văn**

Văn Tần phát hiện và chất chứa lâu đời, người sau nhân đó mà vẽ vời thêm dệt nhiều thứ văn vui, như ngụ-ngôn, hoạt kê, tiểu thuyết, công đối liễn, từ khúc, thí cá, v.v. số là thú chơi trong làng văn. Ngoài ra lại còn lối chơi có thú là cách «đố câu đố chữ» (猜字, 猜句), nghĩa là đố câu «vào» để chỉ chữ mà đố người (a nhân là chữ gì, hay là nói một câu chuyện mà đố là câu sách gì v. v. Kỳ giả có nghe thuật vại chuyện «đố» sau này rất vui. Mọi cũng-tại tình, xin kể cho độc giả nghe:

1) Mạnh tử khứ, bất đắc kỳ vi (孟子去齊, 不得其位), là chữ gì? - Chữ «bối» (背).

(chữ 孟 mà lấy 子 đi, chữ 不 chiếm cái ngôi ấy, thành chữ 孟).

2) Hà khả phế giã, dĩ dương dịch chi (河可廢也, 以羊其之), là chữ gì? - Chữ «dương» (洋).

(Chữ hà 何 bỏ chữ khả 可 bên kia, thay chữ dương 羊 vào tức là chữ 洋.)

3) Luận độc thị dư, hữu mã giá tá nhân thừa chi, sử tử-lo vấn tạo, tử viêi, thủy tai thủy tai, hà thủ ư thủy (論獨是與, 有馬者借人乘之, 使子路問津, 子曰水設水設, 何取於水), là chữ gì? - Chữ «bát» (筆).

Chữ độc 墨, cho người ta mượn ngựa, là còn có cái 竹 đầu, báo tử-lo hỏi bên 津 mà không dùng chữ 水 (子) thế là chỉ còn chữ đoạt 竹, 竹 với 筆 là chữ 筆.

Ngày xưa sinh kể dễ dàng, mấy cụ ngồi không, đặt ra những chuyện «chơi văn» như thế, nghe cũng có thú nhĩ!

Trong một số Phụ trương Tiếng-Dân có nói công dụng và lịch sử của vàng bạc trong chế độ tiền tệ. Vì bạc bị mất giá, vàng chiếm địa vị trọng yếu độc nhất trong chế độ tiền tệ lưu hành ngày nay. Vàng đã thành vật quý thông dụng, thì chế độ lưu hành của nó là một vấn đề quan hệ trên trường kinh tế, như là cái ảnh hưởng của nó trong cơn khủng hoảng này. Độc giả đọc bài sau đây sẽ thấy rõ thêm chuyện vàng bạc.

**Vàng lưu hành trên trường kinh tế**

Công dụng của vàng rất rộng: người ta dùng nó để làm vật định giá các vật khác, để làm bản vị (etalon) cho tiền tệ, làm vật thông dụng trả chất trao đổi với các vật khác. Ở những xã hội căn cứ về mặt trao đổi hóa vật, nghĩa là lấy thị trường làm chỗ giao thiệp trao đổi, cho các nhà sản xuất hóa vật với người cần dùng trong một nước, mà không can thiệp đến các nước ngoài, thì vàng chỉ có những công dụng ấy.

Song ở vào một xứ sự nghiệp tư bản phát đạt, ngoài những công dụng kể trên, vàng lại còn làm một công việc khác rất trọng yếu: là vàng làm tư bản (capital) trong chế độ này, vàng là chủ thể trong cái bước đầu và thời kỳ cuối sau của sự hoạt động trong các công cuộc. Các nhà đình nghiệp đem vàng dùng vào những công nghệ, chế ra máy móc, khai mỏ lấy đồ nguyên liệu, chế tạo các đồ vật liệu khác, mục đích là để thâu một số lợi. Nhưng vật sản chế tạo đem bán, thâu lại được một số vàng xấp mấy lúc bỏ ra. Vì công dụng ấy mà vàng chiếm địa vị trọng yếu trên trường kinh tế ngày nay, có ảnh hưởng đến nạn khủng hoảng.

Song ở mấy xứ công nghệ thương mại chưa phát đạt lắm, như Tàu,

**VÀNG LƯU HÀNH Ở THẾ-GIỚI**

Ấn-độ, Ai-cập v. v. vàng còn dùng vào việc trừ sức.

Ngày xưa cần dùng vàng, người ta đãi cát ở sông, lọc lấy từng miếng tí tí, nấu đúc lại thành đúc. Từ khi khoa học phát minh, chế ra máy móc đào mỏ để lấy các loại kim, cách thức lấy vàng như xưa phải tiêu diệt mất. Vàng ngày nay là một vật lấy ở mỏ, công việc lấy vàng cần phải có tư bản lớn mới mong làm được, vì khai thác một cái mỏ vàng cần phải có những đồ khí cụ tinh xảo, phải cần người học chuyên môn, phải tốn nhiều tiền, vì những lẽ ấy, vàng ngày nay là một thứ sản vật của các nhà đại tư bản, vì có tư bản nhiều mới lấy nó được, mà thứ vàng ở lộn với cát, ngày xưa người ta đãi lấy, bây giờ cũng hết.

Theo bản thống kê dưới đây, ta thấy rõ số vàng lấy ở các nguồn, (source) tính theo phần trăm:

Năm	Vàng lấy ở các chất khác		
	Vàng lấy ở đất bồi sa (alluvion)	Vàng lấy ở các mỏ đá (quartz)	Vàng lấy ở các chất khác (pyritingue)
1848-1875	90	10	không có
1800	45	47	8
1904	18	60	22
1929	8	50	53

(Mấy năm sau này chưa kể)  
Xem bản thống kê này thì vàng lấy ở đất bồi sa chiếm một phần to lớn.

Như trên đã nói, công việc đào mỏ lấy vàng cần phải có đồ khí cụ tinh xảo, phải có tư bản to, vàng thành ra vật sản xuất của công nghiệp tư bản. Các hội đình nghiệp dùng vàng để mua hàng hóa, máy móc, các đồ nguyên liệu, chế tạo đồ hóa học v. v. . . lại để trả tiền công cho người làm, chia lợi cho các cổ đông. Trong những công

việc ấy, vàng không chỉ dùng để mua bán, lại còn để làm tư bản (capital). Người làm công lãnh được tiền lương trả cho nhà chế tạo buôn bán để lấy đồ cần dùng. Những người cổ đông lãnh số tiền lời hoặc đem dùng kinh doanh sự nghiệp khác, hoặc mua sắm đồ dùng. Quan đi quần lại, công việc tuy thay đổi, mà vàng vẫn chịu theo luật lệ để làm tư bản trên trường đình nghiệp. Tư bản mỗi ngày mỗi thêm lên, thì công nghệ trong một nước phải bị cạnh tranh, các nhà doanh nghiệp đem tư bản tới mấy xứ công nghệ chưa phát đạt để kinh đình, lập ra những hội buôn, xưởng chế tạo, hội cho vay, hội thâu khoán, để mở rộng thêm trường hoạt động và gây những thị trường tiêu thụ đồ của mình ra các xứ ngoài đương cần dùng.

**Nạn khủng hoảng và số vàng lưu hành**

Cuộc kinh tế khủng hoảng gây ra là bởi sức mua của các xứ công nghệ chưa phát đạt còn phải cần đồ ngoại quốc, ngày một kém đi, mà sức chế tạo sản của công nghệ cũ việc lẫn tới. Năm 1931 ban kinh tế (section économique) ở hội Vạn quốc có xuất bản một tập nghiên cứu về kinh tế, nói rõ rằng từ năm 1927, các nước cho vay, như là nước Huế kỳ, đem tư bản ra ngoại quốc rất nhiều, qua năm 1928, lại nhiều hơn nữa. Nhờ có những tư bản ấy, toàn cả thế giới năm 1927-28, tiêu thụ được hàng hóa đình trị. Qua năm 1928, phong trào ấy tự nhiên đình chỉ, nước Huế kỳ bạn chế tư bản ra nước ngoài. Tư bản của Anh và các nước khác cũng biến đổi ở trung

bộ và đông bộ Âu châu. Kể đó những việc kinh tế ở Âu châu bị khó khăn, ở Mỹ có nhiều cuộc rạo rởi trong trường chính trị, kinh tế, nên công cuộc cho vay bị nhiều điều thiệt hại, vì thế các nước cầm tư bản lại không cho ra nữa, thế giới không biết lấy gì tiêu dùng, sức mua càng suy kém đi, nạn kinh tế khủng hoảng vì đó càng thêm nặng nề.

Theo bản điều tra của hội Quốc liên nói trên, số dĩ các nhà doanh nghiệp không cho tư bản của mình ra nước ngoài, là vì kinh tế và chính trị ở thế giới có chia lay động, không được yên ổn. Từ khi nạn khủng hoảng phát ra, các nhà doanh nghiệp hạn chế sức sản sản, bớt sức mua đồ nguyên liệu, bớt người làm. Trên trường kinh tế tư bản, vàng đã không dùng để làm vật mua bán, các nhà doanh nghiệp vì những lẽ trên, không dám đem tư bản mình đến kinh đình ở các xứ khác vì sợ có điều thiệt hại, không mua đồ nguyên liệu, vì sức sản sản quá thặng bán chưa hết được, từ đây vàng nằm mục trong tủ các nhà tư bản.

Vả lại, các nhà đình nghiệp to lớn còn đứng vững được, không đại gì khoách trương công việc mình trong lúc khó khăn này, nên không cần tư bản, còn các chỉ công nghiệp nhỏ khác đều bị thất bại, nhà ngân hàng không dám đưa tư bản ra giúp họ, vì sợ không thâu lại được, số vàng nằm yên trong tủ các nhà ngân hàng, không chịu cho ra, mà phần đông dân chúng cần dùng lại không có, dấu chứng không có tiền mua, tự nhiên các nhà chế tạo hàng hóa phải bị đình trị, công nghệ phải bị lỗ mà tiêu diệt, đó là cái cơ vàng gây ra nạn khủng hoảng.

Theo tình trạng kể trên, thì thế giới ngày nay nhiều chỗ giữ vàng mà nhiều nơi lại thiếu. Vàng đã là

**Vạn-văn**

**Khỏi cảnh tù ra về**

Khỏi lao, trời đất rộng thênh thênh,  
Lần bước về, ta chỉ một mình.  
Kể dựa song xưa sứt sứt cầm;  
Người nhìn cảnh cũ chửa chan tình.  
Nước non in về sần sương biệt,  
Mây gió đường khuya chuyển bất bình.  
Về ở miền sao tròn phận sự,  
Tơ lòng còn vướng nợ đa sinh.

Nạn-lý-Trình

**Tình cảnh dân quê**

Lo sông quanh năm chẳng rảnh rời,  
Hao mòn nước mãi cạn mồi hơi,  
Lý hương gọi dạ mùa đông thuở,  
Con vợ ngồi than gạo trống rỗng.  
Tiền đã mất mùa thêm lã rã,  
Rạng không bán được bị trời thối,  
Đêm nằm mộng ngủ không yên giấc,  
Trống mõ từ bề giặc nước sôi.

Tuỳ-Lạng

vật dùng để làm tư bản mà ở nhiều nơi vì chính trị kinh tế lay động, vàng không dám đến, công nghệ đành phải dẹp, ở các xứ tư bản, vì hàng hóa không chạy, các công nghệ bị lỗ, các nhà ngân hàng sợ mất không chịu cho vay. Hay là dịch kém, thâu thê người ngày phải tiêu mòn, rồi đến chết, công nghệ không vốn làm sao sống được, tất phải tiêu diệt, nên các nước tư bản cũng phải chịu nạn khủng hoảng mà lại có vẻ trầm trọng hơn.

Vàng là một loại kim dưới đất lấy lên, cũng như các loại khác, vì có sức người mà nó trở thành một vật có ảnh hưởng lớn lao như thế. Xưa nay nghe nói vàng làm đen lòng người, nay vàng lại có sức làm rung rinh cả thế giới. Một loại kim cũng như sắt đá mà có sức mạnh vô bình thật cũng ghê nhĩ!

HOÀNG-KIM thuật

QUYỀN THỰC NHẤT

biển Marseille (Mạt-xây) khi tàu đến

Ngày 24 tháng 2 năm 1815, người bắt trên lễ chuông Notre-Dame (ô-rô-Đam) ra hiệu báo tin c tàu Pha-ra-ông ở Smyrne (miệt) Trieste (Tô-ri-éc), và les (Na-bô-lô) về.

bu lệ thường, một người thấy ở trên bờ ra đón chiếc tàu ấy ở mũi biển Morgion (Mọt-gi-ông) đảo Ikon (Ri-ông).

ông như lệ thường, tức khắc trên lũy Saint-Jean (Xanh-ràng) đóng những người là người, và ở Mar-let (Mạt-xây) một chiếc tàu đến bến một việc to; việc càng to hơn nữa, chiếc tàu ấy là của một người thành phố, như chiếc Pha-ra này.

biếc Pha-ra-ông đi lần tới, đi qua phá biển giữa đảo Calassareigne la xa ray) và đảo Jaros (Ra-rốt), biển do một cuộc động đất đời đó sinh ra, đi qua Pomeque me-gô); bộ đi chậm chạp buồn làm cho những người đứng nhìn

rằng chiếc tàu đã phải tai nạn thì một vài người thông thạo đời về nghề tàu bè nhận nếu có nạn gì thì cũng không phải tự chiếc tàu bị, vì tàu đi thường, m lái vững vàng lắm. Lại tàu, gần chỗ người cầm lái ng lo cho tàu vào cửa, có một đi trai trẻ, bộ dạng thanh tú đứng

tàu đi rất chậm chãi và hô to ng lệnh của người lái tàu. Ông chúng bàn tán lo ngại, làm một người trong đám sinh sôi, không thể chờ tàu vào bến c, mà nhảy ngay vào một chiếc

ớt, báo chèo ra đón. Ra đến Réserve (Rê-đê-vô) thì gặp n. lấy người này đến, viên thủy thủ trẻ ngồi gần người lái tàu kia trung giữa vào betàn, tay cầm nón.

# BÁ = TƯỞC MÔNG = THẾ = TÔN

(LE COMTE DE MONTE-CRISTO)

PHÁP - QUỐC LỊCH - SĨ TIỂU - THUYẾT

Tác - giả : Alexandre Dumas

Dịch - giả : Nam-Son

chừng mười tám, hai mươi tuổi, hình vóc vạm vỡ, bộ dạng thanh tú, mắt sáng, tóc đen, xem tình thần tỉnh táo và quyết đoán như người đã quen phần đấu với tai nạn từ khi còn nhỏ.

Người dưới ca-nốt nói lớn lên: — Đấng-Thế đó là ai Có việc gì, và vì sao trên tàu có vẻ buồn bã thế, anh? Người thanh niên trả lời:

— Thưa ông Mô-Ren, có tai nạn rất lớn, riêng đối với chúng tôi lại càng lớn hơn nữa, là vừa đến ngang Civita-Vecchia (Xi-vi-ta Vét-si-a), thì chúng tôi mất ông cai tàu Lê-Thê.

Mô-Ren hỏi thêm cách nào ná lắm:

— Còn tàu thì thế nào? — Tàu thì thường, không chuyện gì; tôi chắc thế nào ông cũng được vừa lòng. Nhưng ông cai tàu của chúng tôi...

Mô-Ren có hơi tỉnh, bứt lo sợ, hỏi:

— Lê-Thê có chuyện gì vậy? — Ông từ trần rồi. — Rớt xuống biển phải không? — Không phải, ông chết vì bệnh... đau đớn lắm...

Rồi quay lại phía các thủy-thủ: — Hô-là-ê! Ai về chỗ này, lo coi neo tàu nghe không!

Bao nhiêu thủy thủ trong tàu đều tức tức vàng lên, kẻ chạy về đầu này, người chạy lại đầu kia, treo lên trụt xuống, lằng xằng lịt xít một hồi.

Đấng-Thế xem các thủy thủ thiệt hành lệnh mình rồi mới xây lại phía Mô-Ren.

Mô-Ren tiếp lại câu chuyện:

— Ông Lê-Thê cảm bệnh thế nào? — Ông cảm bệnh một cách thiệt không ai ngờ: nói chuyện với ông quán tàu một hồi lâu, rồi ông từ giã

Naples (Na-bô-lô), xem hồ hực hồi lần. Sau đó 24 giờ đồng hồ, thì ông đồ sốt rét. Ba ngày sau nữa, thì ông từ trần.

«Chúng tôi chỉ làm lễ táng ông thường thôi. Hiện thì thể ông đương an nghỉ ở ở ngang đảo El-Giglio, (E-ri-gô-li-ô) mình học một lớp lưới, nơi chân cột một viên đạn, nơi cổ một viên. Chúng tôi chỉ đem về cho bà vợ góa của ông có một cái mé-day danh dự và cái gương. Nghĩ cũng đáng tiếc (Đấng-Thê vừa nói vừa mỉm cười, cái cười buồn bã làm sao!) mười năm đánh với người Hồng-mao, mà nay chết, lại chết cách tâm thường như người thiên hạ, chết trên giường nằm của mình.

— Phép làm sao, anh Đấng-Thế! chúng ta ai cũng phải chết chớ; người củ phải nhường chỗ người mới; nếu không thế, thì sao có tiến hóa được! Mà anh nói với tôi rằng tàu...

... Không can gì cả. Thưa ông, về cuộc lữ hành này, tôi xin khuyên ông đừng tính số lời đến những 25.000 phật lạng.

Lâu đã vào gần đến bến, Đấng-Thê lại phải ra lệnh: — Lo cuốn buồm lên.

Lệnh của Đấng-Thê hô lên, bao nhiêu thủy thủ lo thiệt hành thanh tú, không khác gì như ở trên một chiếc chiến hạm.

Buồm hạ rồi, chiếc tàu đi lần tới một cách gần như không thấy biết.

Đấng-Thê xây lại nói:

Bây giờ, thưa ông, xin mời ông lên. Viên kế toán của ông, anh Đấng-Lát ở trong phòng ra kia! Anh ấy sẽ hầu chuyện ông. Còn tôi xin phép đi xem cho họ cột neo tàu và cho tàu thả tang ông cai của chúng tôi.

Mô-Ren không đợi nói đến ăn

hai, chụp ngay lấy cái dây của Đấng-Thê lia xuống mà leo lên tàu. Ông Đấng-Thê thì trở lại chỗ cũ, nhường câu chuyện cho người mà chúng gọi là Đấng-Lát ở trong phòng ở ra, đi ngay đến tiếp Mô-Ren.

Đấng-Lát, tuổi độ hăm lăm, lăm sáu, mặt sẫm, có tính đối với người trên thì bực dữ tung hô. Ở với kẻ dưới thì tàn nhẫn bạo ngược. Vì thế nên ngoài cái chức kế toán mà thủy thủ đều ghét, các thủy thủ cũng không ưa anh ta. Trái lại, mọi người dưới tàu đều mến yêu Đấng-Thê.

Đấng-Lát nói: — Thưa ông, ông đã biết cái tai nạn rồi thì phải?

— Phải, phải! Tôi nghiệp cho Lê-Thê, một người rất bạo dạn và rất trung trực.

— Dạ, và nhất là một tay thủy thủ có tài, trọn đời sống ở giữa trời và nước, thật đáng là một người giúp việc cho công ty Mô-Ren và con.

— Nhưng (Mô-Ren vừa nhìn Đấng-Thê vừa nói), tưởng như không cần phải làm thủy thủ lâu năm như anh nói mới nên một tay thủy thủ giỏi; xem Đấng-Thê làm việc kia, anh ta có học ai đâu!

— Dạ phải, (Đấng-Lát miệng nói với Mô-Ren mà mắt thì liếc Đấng-Thê, cái liếc tỏ hết lòng ganh ghét), phải, tuổi trẻ có khi nào nghĩ xa. Ông cai tàu vừa từ trần, thì nó lên thế, không thêm hỏi ý kiến ai. Rồi dâng lễ đi thẳng đến Marseille (Mạt-xây) đây, nó lại cho tàu ghé nghỉ ở đảo Elbe (En-bô), làm mất toi của chúng tôi đến một ngày rưỡi.

— Đấng-Thê là phụ cai thì hẳn phận anh ta là chỉ huy chiề tàu. Duy

mất một ngày rưỡi ở đảo Elbe, (En-bô) nếu không phải là để sửa tàu, thì là có lỗi.

— Dạ, tàu vẫn thường như tôi, và tôi ước ao, cũng như ông; một ngày rưỡi mất đó; là chỉ vì muốn lên đất, chớ không có cơ gì khác.

Mô-Ren xây về phía Đấng-Thê mà gọi lớn:

— Đấng-Thê, lại đây!

Đấng-Thê trả lời:

— Xin lỗi ông, tôi sẽ lại.

Rồi nói với các thủy thủ:

— Cột dây neo đi,

Lập tức cái dây neo rơi xuống rền rền. Tuy có người lái tàu đó, nhưng Đấng-Thê cũng đứng xem cho xong việc đàn vào đây, rồi phán:

— Cho là cơ xuống nữa trụ buồm, treo cờ tang, cột treo các cây chống buồm lại!

Đấng-Lát nói:

— Thưa, ông thấy chưa, nó tưởng như nó đã chính thức là một ông cai tàu rồi đó.

— Thì thiệt sự anh ta là cai tàu chớ lại!

— Dạ, phải nhưng chưa có chữ ký của ông và của người đồng hội với ông nhìn nhận.

— Có lẽ gì chúng ta lại không nhận cho anh ta vào chỗ ấy? Vẫn biết anh ta còn ít tuổi, nhưng tưởng như anh ta biết nhiều, kinh nghiệm nhiều về nghề làm cai tàu!

Mặt Đấng-Lát càng thêm sẫm.

Đấng-Thê vừa đi lại gần Mô-Ren vừa nói:

— Xin lỗi ông, bây giờ tàu đã cột neo rồi, tôi xin lại hầu chuyện ông; tưởng như khi hồi ông có gọi tôi thì phải?

Đấng-Lát lui lại một bước. Ông Mô-Ren nói với Đấng-Thê:

— Tôi muốn hỏi anh vì cơ gì mà anh cho tàu đậu ở đảo Elbe (En-bô). — Thưa ông, chính tôi cũng không được biết vì việc gì. Ấy là tôi chỉ làm theo lệnh của ông cai Lê-Thê; ông ký trước khi từ trần, có bảo tôi đưa một cái gói gì cho thủy quân đó đóc Bạt-Tăng.

— Vậy anh có gặp không?

— Thưa, gặp ai?

— Thì đó đóc Bạt-Tăng?

— Dạ, có.

Mô-Ren xây nhìn chung quanh, rồi kéo Đấng-Thê đi riêng:

— Hoàng đế có mạnh khỏe không?

— Thưa mạnh, theo như mắt tôi thấy.

— Vậy anh có thấy Hoàng đế nữa sao?

— Hoàng đế vào nhà đó đóc trong khi tôi còn ở đây.

— Anh có nói gì với ngài không?

— Ngài nói với tôi thì có. (Đấng-Thê vừa nói vừa mỉm cười).

— Ngài nói với anh những gì?

— Ngài hỏi tàu của ai? ngày nào tàu về Marseille? đi đường nào và chở những hàng gì? Tôi đoán ý ngài là nếu tàu của tôi và không chở hàng, thì ngài sẽ hỏi mua. Nhưng sau khi nghe tôi nói tôi chỉ là một người phụ cai, và tàu của nhà Mô-Ren và con, thì ngài nói: «À, ta biết nhà ấy. Nhà Môn-Ren hết đời cha đến đời con, làm chủ tàu luôn; và có một người cũng giống Mô-Ren có cùng ở với ta một ngụ khi ta còn ở lính tại Valence (Va-lăng-xô).

Mô-Ren tỏ bộ vui vẻ lắm:

— Nhâm rồi! chính là Bô-li-ca Môn-ren, chú ta, sau có làm đến chức quan ba. Đấng-Thê anh sẽ học lại với chú ta việc anh gặp Hoàng đế, và Hoàng đế có nhắc tới ông, thì anh thấy ông khóc cho mà coi.

Thôi, thôi (Mô-Ren vừa nói vừa vỗ vai Đấng-Thê), anh làm theo lệnh của Lê-Thê, ghé vào đảo Elbe (En-bô) như thế là đúng; nhưng phải biết nếu người khác biết anh có trao gói gì cho đó đóc, và hầu chuyện Hoàng đế, thì chắc không khỏi có điều không hay cho anh.

(S2 tiếp)